

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27/9/2022  
V/v “Ly hôn giữa chị T với anh T1”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Phạm Quốc Duy - Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên  
tòa:** Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Đào Thị Cẩm T**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư Thới Bình, ấp Thới An, xã TT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: **Đặng Văn T1**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư Thới Bình, ấp Thới An, xã TT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn ngày 16/3/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đào Thị Cẩm T trình bày như sau:

Bà T với ông Đặng Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre. Thời gian

đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 02/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông T1 thường hay nhậu say, không lo xây dựng gia đình, nhậu say về nhà có nhiều hành vi T3ếu tôn trọng cha mẹ vợ và bạo lực gia đình. Bà T cố gắng hàn gắn T2yết phục ông T1 để xây dựng lại gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại, bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông T1 nữa nên yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thị Cẩm T2, sinh ngày 24/10/1993; Đặng Trọng T3, sinh ngày 22/11/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng ông Đặng Văn T1 từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa bà Đào Thị Cẩm T với ông Đặng Văn T1.

*\* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Đào Thị Cẩm T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Đặng Văn T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Cẩm T đối với ông Đặng Văn T1.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thị Cẩm T2, sinh ngày 24/10/1993; Đặng Trọng T3, sinh ngày 22/11/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, bà Đào Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Ông Đặng Văn T1 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, ông T1 cũng không cung cấp tài

liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Đào Thị Cẩm T yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Đặng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung vụ án: Bà Đào Thị Cẩm T và ông Đặng Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, Đến tháng 02/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập ông T1 nhiều lần đến Tòa án để tham gia hòa giải, xét xử vụ án nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do, không có T3ện chí hàn gắn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thị Cẩm T2, sinh ngày 24/10/1993; Đặng Trọng T3, sinh ngày 22/11/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, bà Đào Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Ông Đặng Văn T1 cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có, ông T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đào Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức T2, miễn, giảm, T2, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Cẩm T đối với ông Đặng Văn T1.

**2.** Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thị Cẩm T2, sinh ngày 24/10/1993; Đặng Trọng T3, sinh ngày 22/11/2002. Các con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**3.** Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Đào Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai T2 số 0006172 ngày 18/5/2022 của Chi cục T3 hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Vậy, bà Đào Thị Cẩm T đã nộp xong án phí.

Các đương sự bà Đào Thị Cẩm T và ông Đặng Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Ủy ban nhân dân xã TT  
(Số 27, quyền 1 ngày 18/7/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Đăng Phi**